

Số: 227/QĐ-UBND

Sảng Mộc, ngày 22 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai dự toán ngân sách xã Sảng Mộc năm 2024 trình HĐND xã Sảng Mộc trước kỳ họp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SẢNG MỘC**

*Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015;*  
*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015;*  
*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*  
*Căn cứ thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp Ngân sách.*  
*Xét đề nghị của Bộ phận tài chính xã Sảng Mộc,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 xã của UBND xã Sảng Mộc trình Hội đồng nhân dân xã trước kỳ họp

*(Theo chi tiết các biểu kèm theo)*

**Điều 2.** Giao cho Văn phòng UBND và Bộ phận tài chính xã thực hiện công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước.

**Điều 3.** Các ông (bà) Văn phòng HĐND-UBND, kế toán ngân sách, trưởng các ban ngành đoàn thể và các đơn vị chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để t/h);
- Đảng uỷ- HĐND (để b/c);
- KBNN Võ Nhai ( để b/c) ;
- Phòng TC-KH huyện (để b/c) ;
- Lưu: VP.

**CHỦ TỊCH**

**Mai Duy Yên**

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024***(Dự toán trình Hội đồng nhân dân trước kỳ họp)**Đơn vị: đồng*

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>6.101.000.000</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>6.101.000.000</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	13.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	49.000.000	II. Chi thường xuyên	5.992.000.000
III. Thu bổ sung	6.039.000.000	III. Dự phòng	109.000.000
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.191.000.000	IV. Tiết kiệm chi 10%	0
- Bổ sung có mục tiêu	848.000.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

*Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.*

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân trước kỳ họp)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	$\frac{5}{3/1}$	$6 = 4/2$
	<b>Tổng số thu</b>	<b>14.268.478.560</b>	<b>14.159.484.897</b>	<b>121.000.000</b>	<b>6.101.000.000</b>	<b>0,85</b>	<b>43,09</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>12.516.000</b>	<b>12.516.000</b>	<b>13.000.000</b>	<b>13.000.000</b>	<b>103,87</b>	<b>103,87</b>
1	Phí, lệ phí	12.516.000	12.516.000	12.000.000	12.000.000	95,88	95,88
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác			1.000.000	1.000.000		
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>203.520.802</b>	<b>94.527.139</b>	<b>108.000.000</b>	<b>49.000.000</b>	<b>53,07</b>	<b>51,84</b>
1	Các khoản thu phân chia	39.670.337	21.873.094	23.000.000	14.000.000	57,98	64,01
11	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	24.150					
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
13	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	4.100.000	4.100.000	5.000.000	5.000.000	121,95	121,95
14	Lệ phí trước bạ	35.546.187	17.773.094	18.000.000	9.000.000	50,64	50,64
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	163.850.465	72.654.045	85.000.000	35.000.000	51,88	48,17
21	Thu tiền sử dụng đất						
22	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						

23	Thuế tài nguyên						
24	Thuế giá trị gia tăng, nộp chậm thuế GTGT	12.439.017		14.000.000		112,55	
25	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
26	Thuế thu nhập cá nhân và nộp chậm thuế TNCN	151.411.448	72.654.045	71.000.000	35.000.000	46,89	48,17
27	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	<b>406.545.507</b>	<b>406.545.507</b>				
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>99.502.751</b>	<b>99.502.751</b>				
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>13.546.393.500</b>	<b>13.546.393.500</b>		<b>6.039.000.000</b>		<b>44,58</b>
1	Thu bổ sung cân đối	5.145.500.000	5.145.500.000		5.191.000.000		100,88
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.400.893.500	8.400.893.500		848.000.000		10,09





## BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân trước kỳ họp)

Đơn vị tính: đồng

TT	TÊN QUỸ	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
		THU	CHI	CHÊNH LỆCH	THU	CHI	CHÊNH LỆCH
1	QUỸ CHĂM SÓC NCT	11.700.000	11.700.000	0	10.000.000	10.000.000	0
2	QUỸ BV CHĂM SÓC TRẺ EM	7.102.000	7.102.000	0	7.000.000	7.000.000	0
3	QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO	26.074.000	26.074.000	0	16.000.000	16.000.000	0
4	QUỸ ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA	7.792.000	7.792.000	0	10.000.000	10.000.000	0
7	QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI	779.000	779.000	0	800.000	800.000	0
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>53.447.000</b>	<b>53.447.000</b>	<b>0</b>	<b>43.800.000</b>	<b>43.800.000</b>	<b>0</b>